



## TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I – CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

- Kiểm toán      • Tư vấn Tài chính và Thuế
- Audit            • Finance & Tax Advisory

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2
BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 37

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch HĐQT
Bà Trần Thị Lệ Châm	Ủy viên
Bà Vũ Thị Huyền Đức	Ủy viên
Ông Đặng Việt Anh	Ủy viên
Ông Lê Trung Thành	Ủy viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Bà Vũ Thị Huyền Đức	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Lệ Châm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Khanh	Phó Tổng Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con, công ty liên doanh liên kết, Ban Tổng Giám đốc của các công ty con, công ty liên doanh liên kết chịu trách nhiệm về tính trung thực và hợp lý trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, *[Signature]*  


Vũ Thị Huyền Đức  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 31 tháng 08 năm 2016

Số: 279 /VACO/BCSX.NV2

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
 THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
 Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 31/08/2016, từ trang 03 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi tiến hành cuộc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phòng vấn, chủ yếu là phòng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 của các công ty con là Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5, Công ty Cổ phần Bia rượu NGK Viger và công ty liên doanh, liên kết chưa được soát xét.

**Kết luận ngoại trừ**

Ngoại trừ các điều chỉnh đối với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ mà chúng tôi có thể nhận thấy nếu tình huống nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ" không xảy ra, căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2016, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Nguyễn Đức Tiên  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
 Hà Nội, ngày 31 tháng 08 năm 2016

Văn phòng Hồ Chí Minh  
 Lầu 6, số 159 Điện Biên Phủ  
 P.15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh  
 Tel: (84-8) 3840 6618/ Fax: (84-8) 3840 6616

Văn phòng Hải Phòng  
 499 Quán Toan, P. Quán Toan  
 Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng  
 Tel: (84-31) 353 4655/ Fax: (84-31) 353 4316

## TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 17 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy  
 Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

## BÀNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN/HN  
 Đơn vị: VND

## TÀI SẢN

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
<b>A - TÀI SẢN NGÁN HẠN</b>	100		<b>846.446.492.352</b>	<b>1.079.246.779.426</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	<b>60.474.140.990</b>	<b>447.283.095.342</b>
1. Tiền	111		31.874.140.990	73.783.095.342
2. Các khoản tương đương tiền	112		28.600.000.000	373.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	<b>14.924.308.843</b>	<b>164.507.256.767</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		14.924.308.843	164.507.256.767
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		<b>524.137.420.592</b>	<b>301.304.560.961</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	162.943.469.187	42.095.017.089
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	221.354.184.422	53.557.165.363
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	101.232.422.894
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	143.990.852.333	113.024.516.810
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(5.791.328.404)	(10.209.644.000)
6. Tài sản thiểu chờ xử lý	139		1.640.243.054	1.605.082.805
IV. Hàng tồn kho	140	11	<b>242.480.949.192</b>	<b>146.342.472.506</b>
1. Hàng tồn kho	141		242.888.669.436	149.364.642.994
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(407.720.244)	(3.022.170.488)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		<b>4.429.672.735</b>	<b>19.809.393.850</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		870.132.116	6.146.665.514
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.942.016.909	10.594.802.845
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	617.523.710	3.067.925.491
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		<b>812.419.702.056</b>	<b>566.045.556.972</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		<b>2.715.717.360</b>	<b>9.312.757.692</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	9.303.937.692
2. Phải thu dài hạn khác	216		2.715.717.360	8.820.000
II. Tài sản cố định-	220		<b>535.083.208.557</b>	<b>215.920.292.166</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	526.987.196.342	214.854.836.200
- Nguyên giá	222		1.117.104.141.089	732.747.752.235
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(590.116.944.747)	(517.892.916.035)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	8.096.012.215	1.065.455.966
- Nguyên giá	228		9.042.083.561	2.039.113.427
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		(946.071.346)	(973.657.461)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	14	<b>29.036.295.432</b>	<b>30.359.682.862</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		29.036.295.432	30.359.682.862
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	<b>237.552.348.130</b>	<b>297.862.887.921</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		201.959.848.130	262.270.387.921
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		35.592.500.000	35.592.500.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		<b>8.032.132.577</b>	<b>12.589.936.331</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		6.535.480.777	7.069.186.761
2. Tài sản thuê thu nhập hoàn lại	262		-	377.194.070
3. Lợi thế thương mại	269	15	1.496.651.800	5.143.555.500
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	270		<b>1.658.866.194.408</b>	<b>1.645.292.336.398</b>

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ** (Tiếp theo)  
*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016*

MẪU SỐ B 01-DN/HN  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	300		940.443.142.307	990.467.939.116
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	310		<b>735.611.587.182</b>	<b>909.827.723.584</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	56.365.212.236	91.657.953.789
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	108.608.614.661	81.202.765.677
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	31.879.524.363	9.942.024.445
4. Phải trả người lao động	314		12.398.962.704	12.051.112.641
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	18.511.551.812	14.828.820.785
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		389.772.726	394.886.363
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	140.332.957.739	415.197.801.976
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	358.181.121.564	282.928.994.182
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		5.811.597.803	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.132.271.574	1.623.363.726
<b>II. Nợ dài hạn</b>	330		<b>204.831.555.125</b>	<b>80.640.215.532</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	19	38.304.755.724	36.789.799.973
2. Phải trả dài hạn khác	337		2.470.285.170	2.210.642.503
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	164.048.668.631	41.631.927.456
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342		7.845.600	7.845.600
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	400		<b>718.423.052.101</b>	<b>654.824.397.282</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	410	22	<b>718.351.649.487</b>	<b>655.057.015.970</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		430.490.990.000	430.490.990.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		430.490.990.000	430.490.990.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.046.736.972	2.508.917.800
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		40.583.436.357	23.795.216.497
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	210.713.669
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		141.641.999.509	158.235.431.857
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		46.580.865.269	110.175.975.403
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		95.061.134.240	48.059.456.454
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	23	104.588.486.649	39.815.746.147
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	430		<b>71.402.614</b>	<b>(232.618.688)</b>
1. Nguồn kinh phí	431		71.402.614	(232.618.688)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	440		<b>1.658.866.194.408</b>	<b>1.645.292.336.398</b>



Vũ Thị Huyền Đức  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 31 tháng 08 năm 2016

Trần Thị Mùi  
 Kế toán trưởng

Đường Thị Hồng Hải  
 Người lập

## TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 17 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy  
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016*

MẪU SỐ B 02-DN/HN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.023.334.493.345	922.697.623.114	468.6
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	112.730.855	1.015.383.576	NG
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10 25	1.023.221.762.490	921.682.239.538	TINH
4. Giá vốn hàng bán	11 26	940.049.871.650	870.029.461.724	VTC
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	83.171.890.840	51.652.777.814	AC
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21 27	25.540.508.277	12.757.766.622	HỒ
7. Chi phí tài chính	22 28	29.723.604.375	10.252.164.263	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	29.723.604.375	10.187.349.263	
8. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	27.801.130.694	(507.758.238)	
9. Chi phí bán hàng	25 29	8.524.199.429	11.849.666.060	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26 29	17.759.868.829	30.709.050.228	
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30	80.505.857.178	11.091.905.647	
12. Thu nhập khác	31	72.166.207.104	2.263.821.892	
13. Chi phí khác	32	2.703.320.647	1.006.609.136	
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40 30	69.462.886.457	1.257.212.756	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	149.968.743.635	12.349.118.403	
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51 31	10.541.032.260	4.357.805.447	
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	(75.438.814)	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	139.427.711.375	8.066.751.770	
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61	128.753.913.454	11.300.942.858	
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	10.673.797.921	(3.234.191.088)	
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70 32	2.910	263	



Vũ Thị Huyền Đức  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 31 tháng 08 năm 2016

Trần Thị Mùi  
Kế toán trưởng

Đường Thị Hồng Hải  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

**CHỈ TIÊU**

Mã số	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
-------	---------------------------------	---------------------------------

**I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**

1. <i>Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế</i>	01	149.968.743.635	12.349.118.403
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	36.831.350.351	16.170.190.379
- Các khoản dự phòng	03	(1.221.168.037)	(6.203.191.605)
- (Lãi)/ Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(36.222.100.660)	(7.656.373.217)
- Chi phí lãi vay	06	29.723.604.375	10.187.349.263
- Các khoản điều chỉnh khác	07		
3. <i>Lợi nhuận/ (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	179.080.429.664	24.847.093.223
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09	(312.250.676.572)	(70.600.453.085)
- (Tăng)/ Giảm hàng tồn kho	10	(93.524.026.442)	28.463.221.643
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(386.385.364.990)	(140.349.216)
- (Tăng)/ Giảm chi phí trả trước	12	5.810.239.382	1.802.951.007
- Tiền lãi vay đã trả	14	(70.274.093.439)	(3.417.413.386)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.982.739.745)	(7.582.346.398)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	243.460.088.338	11.585.838.214
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(18.906.721.529)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(454.972.865.333)	(15.041.457.998)

**II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**

1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(29.643.959.769)	(2.761.449.169)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	359.349.052	64.227.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(60.421.347.652)	(114.726.520.745)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	89.382.582.692	7.933.540.902
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	25.960.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cỗ tức và lợi nhuận được chia	27	27.601.085.961	12.016.821.951
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	53.237.710.284	(97.473.379.788)

**III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**

1. Tiền thu từ đi vay	33	473.546.460.026	247.899.744.900
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(433.710.444.015)	(232.422.840.997)
3. Cỗ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(24.909.815.314)	(73.115.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	14.926.200.697	15.403.788.903
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</i>	50	(386.808.954.352)	(97.111.048.883)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	447.283.095.342	193.394.170.856
Ành hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	60.474.140.990	96.283.121.973



Vũ Thị Huyền Đức  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 31 tháng 08 năm 2016

Trần Thị Mùi  
Kế toán trưởng

Đường Thị Hồng Hải  
Người lập

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN/HN****1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần chuyển đổi từ Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty TNHH Một thành viên, được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0100114314 ngày 30/06/2010, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 25/03/2016

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 430.490.990.000 VND.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2016 là 341 người (tại ngày 01/01/2016 là 448 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Nhân giống và chăm sóc cây giống nông nghiệp; Trồng cây mía;
- Bán buôn thực phẩm;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình công ích;
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất các loại bánh từ bột; Sản xuất đường, ca cao, sôcôla và mứt kẹo;
- Sản xuất rượu vang, bia và mạch nha ú men bia; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Bán buôn đồ uống; Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Sản xuất giấy nhăn, bia nhăn, bao bì từ giấy và bia; Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc và tu sửa kỹ thuật có liên quan;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn, máy móc thiết bị, thiết bị điện;
- Lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp****Danh sách các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty:**

1. Công ty Thương mại Tư vấn & Đầu tư;
2. Công ty Mía đường Trà Vinh;
3. Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

**Danh sách các Công ty con:**

1. Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5;
2. Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger;
3. Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương.

**Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết:**

1. Công ty TNHH Đường mía Việt Nam Đài Loan;
2. Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu;

**TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 17 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy  
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)****Các bên liên quan**

Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các công ty liên doanh, liên kết bao gồm: Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu và Công ty TNHH Đường mía Việt Nam Đài Loan;
- Các cổ đông của Tổng Công ty;
- Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ của Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con (các đơn vị mà Tổng Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết (kiểm soát) và được xác định sẽ nắm giữ lâu dài (trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính), hoạt động của các đơn vị được hợp nhất không bị hạn chế trong thời gian dài.

**Danh sách công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất:**

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty CP Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	Phường Trung Hưng, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	88,53%	88,53%	Kinh doanh thực phẩm
2	Công ty CP Bia rượu NGK Viger	Khu 7, phường Thanh Miếu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	71,23%	71,23%	Kinh doanh bia rượu
3	Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	Xã Hào Phú, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	55,72%	55,72%	Sản xuất đường mía

**Danh sách công ty liên doanh, liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu:**

STT	Tên công ty liên kết, liên doanh	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Đường mía Việt Nam Đài Loan	Thị trấn Văn Du, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	17,50%	17,50%	Sản xuất đường mía
2	Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	Số 15, Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	44,85%	44,85%	Sản xuất bánh kẹo

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo hợp nhất này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Tổng Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

02546  
CÔN  
TN  
KIỂM  
VÀ  
VY PH

# TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 17 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy  
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

#### Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở đồng tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

# TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 17 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy  
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phản ứng trội giữa mức giá phi hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

#### Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, phải thu về cho vay, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

##### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### Các khoản đầu tư tài chính

###### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

# TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 17 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy  
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

#### *Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

#### *Nợ phải thu*

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại; đối với hoạt động thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí uốn tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

#### *Tài sản cố định hữu hình và khấu hao*

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 40
Máy móc thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải	08 - 10
Thiết bị quản lý	05 - 08

# TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 17 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy  
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là bản quyền công nghệ phân xưởng vi sinh Tổng Công ty được chuyển giao và giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính.

#### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

#### Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng; các chi phí quảng cáo, tiếp thị sản phẩm; các khoản trả trước nhằm mục đích phát triển vùng nguyên liệu, chi phí hỗ trợ cạnh tác trồng mía và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

#### Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế được phân phối và các quỹ được trích lập theo quyết định của đại hội đồng cổ đông và điều lệ Tổng Công ty.

#### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

# TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 17 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy  
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

#### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	3.763.868.756	1.971.614.767
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.110.272.234	71.811.480.575
Các khoản tương đương tiền (i)	<u>28.600.000.000</u>	<u>373.500.000.000</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>60.474.140.990</u></b>	<b><u>447.283.095.342</u></b>

#### Ghi chú:

(i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng.

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN  
Số 17 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐO (Tiếp theo)**  
Các thuyết minh này là *một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	<b>30/06/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>a) Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn</b>		
<b>Ngắn hạn</b>		
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 1 năm	14.924.308.843	164.507.256.767
- Đầu tư tài chính ngắn hạn (i)	6.700.000.000	42.000.000.000
- Các khoản đầu tư khác	8.224.308.843	96.000.000.000
		26.507.256.767

Ghi chú:

- (i) Là khoản cho các hộ dân vay vốn để trồng mía giống, thời hạn cho vay dưới một năm.

	<b>30/06/2016</b>	<b>01/01/2016</b>				
	Giá gốc VND	Đư phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Đư phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>						
<b>- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>						
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam Dài Loan	201.959.848.130	-	201.959.848.130	262.270.387.921	-	262.270.387.921
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	123.067.831.109	-	123.067.831.109	117.702.841.726	-	117.702.841.726
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	78.892.017.021	-	78.892.017.021	70.818.902.910	-	70.818.902.910
		-	-	73.748.643.285	-	73.748.643.285
<b>- Đầu tư vào đơn vị khác</b>						
Tổng Công ty Mía đường II	35.592.500.000	-	35.592.500.000	35.592.500.000	-	35.592.500.000
Công ty CP Đầu tư Kinh doanh DV Sông Hồng	34.592.500.000	-	34.592.500.000	34.592.500.000	-	34.592.500.000
Công	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000
	<b>237.552.348.130</b>	<b>297.862.887.921</b>	<b>237.552.348.130</b>	<b>297.862.887.921</b>	<b>-</b>	<b>297.862.887.921</b>

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN  
Số 17 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các *thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

c) Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam Dài Loan	Huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa			17,50%	Sản xuất sản phẩm đường mía
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	4.488.446	44,85%	44,85%	Sản xuất bánh, kẹo, thực phẩm

Tóm tắt tình hình hoạt động công ty liên doanh, liên kết trong kỳ

Trong kỳ, nhìn chung hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết không thay đổi so với cùng kỳ năm trước và đều có lãi.

d) Chi tiết về khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 như sau:

Khoản đầu tư góp vốn vào Tổng Công ty Mía Đường II với số lượng là 3.425.000 cổ phiếu, chiếm 5% vốn điều lệ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

**7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<i>162.943.469.187</i>	<i>42.095.017.089</i>
Công ty TNHH XNK Hợp Thịnh	43.446.025.000	-
Công ty CP XNK hóa chất và TB Hà Nội	37.321.010.000	-
Bà Lương Thị Bắc	9.421.142.001	-
Công ty TNHH Đức Lộc	5.208.597.501	-
Công ty CP Mía đường Sơn La - gói thầu 52	4.041.643.200	-
Công ty TNHH Thái hăng Hà tiên	2.165.999.998	-
Công ty TNHH thương mại Tâm Sáng	2.287.218.069	-
Xưởng In bao bì liên doanh Sơn Linh - Việt Trung	1.437.619.354	1.437.619.354
Công ty Cổ phần Lilama Hà Nội	1.657.200.000	1.657.220.000
Công ty Cổ phần lò hơi Ngô Châu Việt Nam	594.101.732	794.101.732
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	82.435.628	10.151.544.474
Đối tượng khác	55.280.476.704	28.054.531.529
<i>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>82.435.628</i>	<i>10.224.378.074</i>
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	82.435.628	10.151.544.474
Công ty TNHH Đường Mía Việt Nam Đài Loan	-	72.833.600

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	<i>221.354.184.422</i>	<i>53.557.165.363</i>
Guangxi Mingyang Import and Export Trade Company Limited	71.031.494.080	-
Công ty CP XNK Hoá chất và thiết bị Hà Nội	22.992.499.872	30.192.499.872
Công ty CP TM và ĐT Thăng Long Hà Nội	17.300.000.000	-
Tổng công ty mía đường II - Công ty TNHH 1TV	16.000.000.000	-
Công ty TNHH XNK & TM Hợp Thịnh	14.748.000.000	-
Công ty Cổ phần Lò hơi Ngô Châu Việt Nam	13.318.800.000	808.737.265
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam Đài Loan	11.224.949.981	450.299.999
Công ty CP Lisemco 2	10.593.000.000	-
Công ty CP Mía Đường Nông Cống	6.899.999.999	-
Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	2.266.376.101	7.012.500.000
Công ty TNHH Đức Lộc	1.584.000.000	1.584.000.000
Đối tượng khác	33.395.064.390	13.509.128.227
<i>b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan</i>	<i>13.491.326.082</i>	<i>7.462.799.999</i>
Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	2.266.376.101	7.012.500.000
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam Đài Loan	11.224.949.981	450.299.999

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 17 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy  
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

**9. PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	<b>143.990.852.333</b>	(291.121.875)	<b>113.024.516.810</b>	(4.314.755.803)
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	40.214.766.468	(190.827.875)	551.316.572	-
Tạm ứng	5.809.243.332	-	4.722.799.769	(56.678.919)
Phải thu khác	97.966.842.533	(100.294.000)	107.750.400.469	(4.258.076.884)
- Phải thu khoản thuế được hoàn	1.540.957.153	-	-	-
- Phải thu về lãi tiền gửi tiền cho vay	2.756.511.111	-	-	-
- Tài sản thiểu chờ xử lý	1.605.081.789	-	-	-
- CTCP Mía đường Sơn Dương	-	-	90.633.563.635	-
- Công ty CP Thực phẩm Vạn Điểm	381.356.868	-	381.356.868	-
- Phải thu các hộ trồng mía	70.594.148.296	-	5.203.523.398	(3.218.288.925)
- Các đối tượng khác	21.088.787.316	(100.294.000)	11.531.956.568	(1.039.787.959)
b) Dài hạn	<b>2.715.717.360</b>	-	<b>8.820.000</b>	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn	8.820.000	-	8.820.000	-
Phải thu hộ nông dân mua máy cày	2.706.897.360	-	-	-

**10. NỢ XÂU**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Lilama Hà Nội	1.657.220.000	-	1.657.200.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.256.285.721	272.565.758	1.256.285.721	261.146.907
Đinh Thị Lực	882.825.000	-	882.825.000	-
Công ty Cổ phần TP Vạn Điểm	821.256.312	-	821.256.312	-
Các khoản ký cược ký quỹ	422.611.250	81.783.375	-	-
Các đối tượng khác	1.344.648.058	239.168.804	5.995.292.408	142.068.534
Cộng	<b>6.384.846.341</b>	<b>593.517.937</b>	<b>10.612.859.441</b>	<b>403.215.441</b>

**11. HÀNG TỒN KHO**

	Giá gốc		Dự phòng	
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	33.359.950.924	(183.424.433)	25.446.543.900	(2.787.606.010)
Công cụ, dụng cụ	964.023.526	-	768.513.590	(119.991.509)
Chi phí SXKD dở dang	12.533.499.134	-	52.801.246.862	-
Thành phẩm	141.429.574.943	(224.295.811)	25.021.817.125	-
Hàng hóa	27.009.179.354	-	45.305.056.477	(114.572.969)
Hàng gửi bán	27.592.441.555	-	21.465.040	-
Cộng	<b>242.888.669.436</b>	<b>(407.720.244)</b>	<b>149.364.642.994</b>	<b>(3.022.170.488)</b>

**TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN**  
Số 17 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các *thuýết minh* này là *một bộ* *phân hợp thành* và *cần được đọc đồng thời* với *báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Nguyên giá	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2016	212.385.474.454	490.816.740.613	27.855.272.037	1.690.265.131	732.747.752.235
- Mua trong năm	-	922.636.219	-	38.116.364	960.752.583
- Đầu tư XDCCB hoàn thành	-	3.732.618.448	-	-	3.732.618.448
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.469.991.061)	(80.090.000)	(1.550.081.061)
- Tặng do mua thêm Công ty con	172.724.012.414	509.407.996.324	11.745.342.952	649.379.055	694.526.730.745
- Giảm do bán Công ty con	(76.729.916.919)	(228.949.229.769)	(6.614.206.051)	(1.020.279.122)	(313.313.631.861)
Tại ngày 30/06/2016	<u>308.379.569.949</u>	<u>775.930.761.835</u>	<u>31.516.417.877</u>	<u>1.277.391.428</u>	<u>1.117.104.141.089</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2016	124.879.884.328	375.141.083.062	16.509.406.317	1.362.542.328	517.892.916.035
- Khấu hao trong năm	7.860.000.858	23.735.454.767	999.852.597	75.989.475	32.671.297.697
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(896.813.505)	(47.346.838)	(944.160.343)
- Tặng do mua thêm Công ty con	75.720.957.614	192.583.120.860	10.751.597.094	579.076.017	279.634.751.585
- Giảm do bán Công ty con	(42.989.371.213)	(190.004.573.166)	(5.208.715.031)	(935.200.817)	(239.137.860.227)
Tại ngày 30/06/2016	<u>165.471.471.587</u>	<u>401.455.085.523</u>	<u>22.155.327.472</u>	<u>1.035.060.165</u>	<u>590.116.944.747</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2016	<u>87.505.590.126</u>	<u>115.675.657.551</u>	<u>11.345.865.720</u>	<u>327.722.803</u>	<u>214.854.836.200</u>
Tại ngày 30/06/2016	<u>142.908.098.362</u>	<u>374.475.676.312</u>	<u>9.361.090.405</u>	<u>242.331.263</u>	<u>526.987.196.342</u>

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2016 là 264.312.027.418 VND (tại ngày 01/01/2016 là 221.672.260.245 VND).

Giá trị còn lại của những tài sản đem cầm cố thế chấp cho các khoản vay tại ngày 30/06/2016 là 186.258.205.703 VND (tại ngày 01/01/2016 là 66.920.059.163 VND).

## TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 17 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy  
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

## 13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2016	307.272.727	699.000.000	1.032.840.700	2.039.113.427
- Tăng do mua thêm Công ty con	-	8.147.310.834	455.000.000	8.602.310.834
- Giảm do bán Công ty con	-	(699.000.000)	(900.340.700)	(1.599.340.700)
Tại ngày 30/06/2016	<u>307.272.727</u>	<u>8.147.310.834</u>	<u>587.500.000</u>	<u>9.042.083.561</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2016	307.272.727	1.899.999	664.484.735	973.657.461
- Khấu hao trong năm	-	-	6.850.335	6.850.335
- Tăng do mua thêm Công ty con	-	51.298.620	454.999.999	506.298.619
- Giảm do bán Công ty con	-	(1.899.999)	(538.835.070)	(540.735.069)
Tại ngày 30/06/2016	<u>307.272.727</u>	<u>51.298.620</u>	<u>587.499.999</u>	<u>946.071.346</u>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2016	-	697.100.001	368.355.965	1.065.455.966
Tại ngày 30/06/2016	-	<u>8.096.012.214</u>	<u>1</u>	<u>8.096.012.215</u>

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2016 là 366.772.727 VND (tại ngày 01/01/2016 là 366.772.727 VND).

## 14. TÀI SẢN DỞ DÀNG DÀI HẠN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
			VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	29.036.295.432	29.036.295.432	30.359.682.862	30.359.682.862
Mua sắm	-	-	2.142.613.318	2.142.613.318
Sửa chữa lớn TSCĐ	5.984.892.485	5.984.892.485	7.808.910.975	7.808.910.975
Xây dựng cơ bản dở dang	23.051.402.947	23.051.402.947	20.408.158.569	20.408.158.569
Trong đó:				
- Hệ thống xử lý nước thải 1000m3/ngày đêm	12.100.363.859	12.100.363.859	11.781.784.033	11.781.784.033
- Hệ thống xử lý môi trường xưởng phân vi sinh	1.274.672.362	1.274.672.362	1.274.672.362	1.274.672.362
- Công trình cảng trong công kè, bến bắc dỡ và đường vận chuyển mía nguyên liệu	2.945.735.785	2.945.735.785	2.816.966.841	2.816.966.841
Dự án nhà máy Hàm Yên	2.576.832.015	2.576.832.015	-	-
Dự án nhà máy Sơn Dương	1.215.398.472	1.215.398.472	-	-
- DA xây dựng TT kho Quảng Thịnh	-	-	2.631.309.083	2.631.309.083
- Dự án khác	2.938.400.454	2.938.400.454	1.903.426.250	1.169.605.249

## TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 17 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy

Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## 15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	VND
Tại ngày 01 tháng 01		5.143.555.500		5.829.362.900
Phân bổ vào chi phí trong năm		(106.903.700)		(342.903.700)
Điều chỉnh do giảm vốn tại Nông Công		(3.540.000.000)		-
Tại ngày 31 tháng 12		1.496.651.800		5.486.459.200
Chi tiết lợi thế thương mại tại các công ty con:				
	30/06/2016	VND	01/01/2016	VND
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5		886.251.800		949.555.500
Công ty Cổ phần Bia rượu NGK Viger		610.400.000		654.000.000
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công		-		3.540.000.000
Cộng		1.496.651.800		5.143.555.500

## 16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	56.365.212.236	56.365.212.236	91.657.953.789	91.657.953.789
Phải trả cho chủ hộ trồng mía Zhanjiang development	26.771.186.456	26.771.186.456	25.519.622.379	25.519.622.379
Region shengda trade Co.,ltd	4.299.414.840	4.299.414.840	-	-
Công ty CP XNK Hà Anh	2.837.050.000	2.837.050.000	-	-
Công Ty CP Đầu Tư Thương Mại và Xây Dựng Minh Nhật	2.397.338.737	2.397.338.737	-	-
Công ty TNHH TMDV Công Nghệ Môi Trường Bách Khoa	1.213.026.184	1.213.026.184	7.053.585.603	7.053.585.603
Đối tượng khác	18.847.196.019	18.847.196.019	59.084.745.807	59.084.745.807

## 17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	108.608.614.661		81.202.765.677	
Công ty CPTM và dịch vụ Song Phương		26.693.415.000	-	
Công ty CP đầu tư Thành Thành Công		18.284.600.000	4.110.000.000	
Công ty CP Đầu Tư Vương Quốc Việt		14.299.478.001	97.614.000	
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Lam kinh		11.982.099.997	-	
Trần Thị Nương		2.060.232.000	-	
Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn		-	22.225.439.996	
Công ty TNHH thương mại XNK Minh Khang		1.957.000.000	5.700.000.000	
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La		760.109.064	5.205.000.000	
Đối tượng khác		32.571.680.600	43.864.711.681	
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan		109.799.350		109.799.350
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam Đài Loan		109.799.350		109.799.350

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ (PHẢI THU) NHÀ NƯỚC**

	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.322.994.395	80.505.754.762	72.464.066.048	10.364.683.109
Thuế tiêu thụ đặc biệt	4.880.251.945	10.414.444.161	8.760.000.000	6.534.696.106
Thuế xuất, nhập khẩu	-	939.758.557	930.698.200	9.060.357
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(729.214.375)	15.228.498.508	(233.194.082)	14.732.478.215
Thuế thu nhập cá nhân (i)	852.048.301	197.350.109	892.217.013	157.181.397
Thuế tài nguyên	54.204.312	418.067.501	582.184.720	(109.912.907)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất (ii)	(506.185.624)	988.206.680	908.206.680	(426.185.624)
Thuế bảo vệ môi trường	-	1.500.000	1.500.000	-
Các loại thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.000.000	5.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>6.874.098.954</b>	<b>108.704.580.278</b>	<b>84.316.678.579</b>	<b>31.262.000.653</b>

Ghi chú:

- (i) Trong đó có khoản thuế phải thu tại Công ty Cổ phần Bia rượu NGK Viger với số tiền là 444.429 VND
- (ii) Trong đó, có khoản tiền thuê đất nộp thừa tại Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5 với số tiền là 617.079.281 VND.

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Lãi vay phải trả (i)	10.713.601.774	12.000.064.188
Chi phí giảm tiếp chờ phân bổ	2.429.273.490	-
Chi phí phải trả khấu hao CT Kè, bến bắc dỡ và vận chuyển mía NL	1.085.619.496	-
Phí trả chi phí phát triển vùng nguyên liệu	885.277.920	1.325.069.992
Chi phí phải trả tiền thù lao	255.909.280	333.905.756
Chi phí phải trả khác	3.141.869.852	1.169.780.849
<b>b) Dài hạn</b>	<b>38.304.755.724</b>	<b>36.789.799.973</b>
Chi phí lãi vay phải trả	113.419.449	1.698.463.698
Lãi vay phải trả khác (i)	38.191.336.275	35.091.336.275

Ghi chú:

- (i) Theo biên bản làm việc ngày 09/01/2015 và Phụ lục hợp đồng số 14/HĐNNHNo-PL01 Ngày 15/01/2015 giữa Tổng Công ty và Sở giao dịch Agribank, Tổng Công ty phải trả dần khoản nợ lãi hàng kỳ từ ngày 30/06/2015 đến ngày 30/11/2021, kỳ hạn trả nợ là 6 tháng, mỗi kỳ trả một khoản là 3,6 tỷ đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

**20. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>		
Kinh phí công đoàn	147.866.310	254.550.669
Phải trả BHXH, BHYT, BHTN	1.686.442.746	422.524.130
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	40.000.000	40.000.000
Cô tức, lợi nhuận phải trả	39.376.891.186	21.237.607.500
Thu hộ tiền thuế vận chuyển mía cho cơ quan thuế	2.530.238.795	-
Chi phí vận chuyển cấp phát phân	1.058.580.265	-
Chi phí lãi vay phải trả	541.142.140	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	94.951.796.297	393.243.119.677
- Phải trả lãi phạt chậm nộp về SCIC	19.148.900.305	-
- Phải trả Công ty mua bán nợ	1.249.023.265	2.249.023.265
- Phải trả phải nộp khác	74.553.872.727	390.994.096.412
<i>b) Dài hạn</i>	<b>2.470.285.170</b>	<b>2.210.642.503</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.470.285.170	2.210.642.503

**TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN**  
Số 17 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	<b>30/06/2016</b>		<b>Trong kỳ</b>		<b>01/01/2016</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>Giảm</b>	<b>Tăng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>320.069.835.951</b>	<b>320.069.835.951</b>			<b>637.015.712.621</b>	<b>695.608.891.390</b>
Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và PTNT - Chi nhánh Tuyên Quang (1)	116.500.000.000	116.500.000.000	53.000.000.000	-	169.500.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tuyên Quang (2)	100.000.000.000	100.000.000.000	64.760.229.903	-	164.760.229.903	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Trà Cú (3)	40.000.000.000	40.000.000.000	20.000.000.000	-	40.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội (4)	30.826.540.000	30.826.540.000	311.316.385.000	-	244.971.100.000	97.171.825.000
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tuyên Quang (5)	28.025.000.000	28.025.000.000	42.343.000.000	-	70.368.000.000	-
Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Sơn Tây	2.829.459.221	2.829.459.221	50.000.000	-	-	2.879.459.221
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Nam Việt Trì	529.555.180	529.555.180	1.994.366.856	-	965.134.177	1.558.787.859
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Phú Thọ	466.275.150	466.275.150	4.457.488.299	-	2.939.427.310	1.984.336.139
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn Tây	187.986.400	187.986.400	-	-	-	187.986.400
Ngân hàng TMCP An Bình	20.000	20.000	-	-	-	20.000
Vay cá nhân (6)	705.000.000	705.000.000	2.105.000.000	-	700.000.000	700.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Long Biên	-	-	29.850.000.000	-	29.850.000.000	29.850.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Sầm Sơn	-	-	50.110.597.353	-	50.110.597.353	50.110.597.353
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Hóa	-	-	40.262.764.352	-	40.262.764.352	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế VIB	-	-	16.770.880.858	-	16.770.880.858	16.770.880.858

0254  
VĂN GIÈM TÍ  
CỘI

TỔNG CÔNG TY MÁA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN  
Số 17 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	30/06/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn đến hạn trả	38.111.285.613	38.111.285.613	15.694.745.000	32.353.693.613	21.452.337.000	21.452.337.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tuyên Quang (7)	14.000.000.000	14.000.000.000	2.000.000.000	16.000.000.000	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Hà Tĩnh (8)	8.540.337.000	8.540.337.000	3.284.745.000	3.284.745.000	8.540.337.000	8.540.337.000
Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và PTNT - Chi nhánh Tuyên Quang (9)	7.888.948.613	7.888.948.613	-	7.888.948.613	-	-
Ngân hàng Phát triển Trà Vinh (10)	6.432.000.000	6.432.000.000	2.680.000.000	2.680.000.000	6.432.000.000	6.432.000.000
Ngân hàng Phát triển Tuyên Quang (11)	1.250.000.000	1.250.000.000	1.250.000.000	-	2.500.000.000	-
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Thanh Hóa	-	-	5.440.000.000	-	5.440.000.000	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Hóa	-	-	1.040.000.000	-	1.040.000.000	1.040.000.000

ĐƠN  
CƠ  
TỔ  
GIA  
T/2016  
585

TỔNG CÔNG TY MÁA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN  
Số 17 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	30/06/2016	Trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	VND	VND
	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	<b>164.048.668.631</b>	<b>164.048.668.631</b>	<b>19.796.950.500</b>	<b>142.213.691.675</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tuyên Quang (7)	83.000.000.000	83.000.000.000	-	83.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT - Chi nhánh Tuyên Quang (9)	47.333.691.675	47.333.691.675	-	47.333.691.675
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Hà Tĩnh (8)	11.668.572.715	11.668.572.715	3.284.745.000	-
Ngân hàng Phát triển Trà Vinh (10)	10.166.404.241	10.166.404.241	2.680.000.000	-
Công ty CP Bánh kẹo Hải Châu (12)	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Ngân hàng Phát triển Tuyên Quang (11)	1.000.000.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Vay của bà Hoàng Thị Kim Ngân (13)	880.000.000	880.000.000	-	880.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Thanh Hóa	-	-	10.880.000.000	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Hóa	-	-	1.791.548.000	-
Nợ dài hạn Công ty Cao su Thanh Hóa	-	-	699.172.500	-
Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa	-	-	444.150.000	-
Nợ dài hạn DA 327	-	-	17.335.000	-
Cộng	<b>522.229.790.195</b>	<b>522.229.790.195</b>	<b>672.507.408.121</b>	<b>870.176.276.678</b>
			<b>324.560.921.638</b>	<b>284.298.137.286</b>
				284.298.137.286

2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**MẪU SỐ B 09-DN**

**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Ghi chú:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 8100LAV201500459/HĐTD ngày 24/04/2015, với các điều khoản chi tiết sau:  
+ Hạn mức tín dụng: 180.000.000.000 VND  
+ Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để sản xuất đường mía vụ 2014 - 2015  
+ Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn cho vay cụ thể của mỗi lần giải ngân do 2 bên thỏa thuận được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa là 8 tháng và đến 08/04/2016;  
+ Lãi suất cho vay: 9%/năm tại thời điểm ký hợp đồng. Lãi suất cụ thể từng món vay được ghi trên giấy nhận nợ;  
+ Các hình thức đảm bảo tiền vay: Cho vay một phần có đảm bảo bằng tài sản: theo HĐ thế chấp TS số 53146 ngày 11/11/2011 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung HĐ số 53146; Cho vay 1 phần không có tài sản đảm bảo: không quá 75% hạn mức cấp tín dụng;
- (2) Hợp đồng tín dụng số 222/2014/HĐTDHM/NHCT174 ngày 30/11/2014, với các điều khoản chi tiết sau:  
+ Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 VND;  
+ Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động thực hiện phương án sản xuất kinh doanh vụ 2014 - 2015 và cho vay ứng trước đối với hộ nông dân trồng mía theo mô hình liên kết giữa nông dân và Công ty để duy trì, mở rộng nguyên liệu vùng mía;  
+ Thời hạn của hợp đồng: đến ngày 17/11/2016;  
+ Lãi suất cho vay: được ghi trên từng Giấy nhận nợ, Lãi suất cho vay được điều chỉnh 1 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng;  
+ Các hình thức đảm bảo tiền vay: theo các Hợp đồng đảm bảo gồm: HĐ thế chấp TS số 407A/2010/HĐTC ngày 12/11/2010, Hợp đồng thế chấp TS số 586/2011/HĐTC ngày 14/11/2011, Hợp đồng thế chấp TS số 389/2012/HĐTC ngày 7/9/2012 và các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung các Hợp đồng thế chấp Tài sản phát sinh sau khi ký hợp đồng này.
- (3) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Trà Cú gồm 02 hợp đồng tín dụng:  
- Khoản vay theo hợp đồng số 7407 LAV201407129 ngày 30/10/2015 với hạn mức vay 20 tỷ, thời hạn vay 10 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất vay 7%/năm và điều chỉnh 3 tháng/lần. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp số 01/2015/MĐ/TSTC ngày 30/11/2015.  
- Khoản vay theo hợp đồng số 7407 LAV201602517 ngày 13/04/2016 với hạn mức vay 20 tỷ, thời hạn vay 04 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay cố định 7%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp số 2.200 tấn đường thành phẩm.
- (4) Vay ngân hàng TMCP Quân đội theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 16752.16.065.789999.TD ngày 13/05/2016, hạn mức tín dụng 130.000.000.000 VND, thời hạn cấp tín dụng đến ngày 27/04/2017. Mục đích sử dụng vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh đường, rì, máy móc thiết bị, vật tư nông nghiệp, vật tư hóa chất phục vụ sản xuất ngành đường. Thời hạn vay tối đa là 03 tháng. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền đòi nợ hình thành trong tương lai, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CA016468 do sở tài nguyên môi trường TUQ UBND Thành phố Hà Nội cấp 25/04/2015.
- (5) Hợp đồng tín dụng số 01/2015/4643981/HĐTD, với các điều khoản chi tiết sau:  
+ Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 VND  
+ Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C cho hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty (sản xuất đường kính, phân bón);  
+ Thời hạn của hợp đồng: Từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 19/11/2016  
+ Lãi suất cho vay: được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất Ngân hàng trong từng thời kỳ;  
+ Các hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp, cầm cố tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/4643981/HĐTD ngày 31/07/15 và các văn bản sửa đổi bổ sung.
- (6) Khoản vay cá nhân không có hợp đồng vay, Tổng Công ty tính lãi 7%/năm đối với các khoản vay cá nhân này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

MẪU SỐ B 09-DN/HN

**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Ghi chú (Tiếp theo):

- (7) Hợp đồng tín dụng Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 389/2012/HĐTD ngày 7/9/2012 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức khoản vay: 180.000.000.000 VND
  - + Mục đích vay: Thực hiện dự án đầu tư di chuyển, xây dựng nhà máy đường Tuyên Quang giai đoạn 1 - công suất 2.000 TMN tại thôn Tân Bình 2, xã Bình Xá, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang
  - + Thời hạn cho vay: 84 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: 5% tại thời điểm ký hợp đồng. Áp dụng lãi suất thả nổi, được xác định bằng tổng lãi suất cơ sở và biên độ tối thiểu 5%/năm không thấp hơn quy định của NHCT Việt Nam thông báo từng thời kỳ. Lãi suất cơ sở là lãi suất tiền gửi tiết kiệm trả lãi sau kỳ hạn 12 tháng được niêm yết tại Ngân hàng vào ngày xác định lãi suất;
  - + Hình thức đảm bảo tiền vay: thế chấp bằng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai bao gồm toàn bộ dây truyền, máy móc, thiết bị, công trình xây dựng gắn liền trên đất theo hợp đồng thế chấp số 389/2012.
  - + Số dư gốc tại thời điểm cuối kỳ là 99.000.000.000 VND, số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 14.000.000.000 VND.
- (8) Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Hà Tĩnh thể hiện khoản vay theo biên bản làm việc ngày 20/06/2006 giữa Chi nhánh Ngân hàng NN&PTNT Hà Tĩnh với Tổng Công ty:  
Tổng số nợ gốc tính đến 31/05/2006: Nợ ngắn hạn VND: 5.867.421.330 VND; Nợ dài hạn VND: 84.652.272.378 VND; Nợ ngoại tệ USD: 888.000 USD.  
Tổng lãi phải trả tính đến 31/05/2006: Lãi vay ngắn hạn VND: 764.758.089 VND; Lãi vay dài hạn VND: 4.221.646.697 VND.  
Hai bên thống nhất ký:
  - Hợp đồng tín dụng chuyển đổi dư nợ ngoại tệ thành dư nợ nội tệ số 01/HĐTD ngày 21/06/2006 số gốc vay 13.892.760.000 VND; Lãi suất 0,45%/tháng; Trả nợ gốc vay 92.600.000 VND/tháng; Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 01/12/2018; Không có tài sản đảm bảo cho khoản vay;
  - Hợp đồng tín dụng số 02/HĐTD ngày 21/06/2006 số tiền vay 84.652.272.378 đồng; Lãi suất cho vay 0,45%/tháng; Trả nợ gốc vay 564.349.000 VND/tháng; Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 01/12/2018; Không có tài sản đảm bảo cho khoản vay.
- (9) Hợp đồng tín dụng số LAV 201200864/HĐTD ngày 14/08/2012, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức khoản vay: 100.000.000.000 VND;
  - + Mục đích vay: đầu tư giai đoạn I công suất 2.000 TMN, hạng mục xây dựng cơ bản, giải phóng mặt bằng và 1 phần chi phí kiến thiết cơ bản khác để thực hiện di chuyển, xây dựng nhà máy đường Tuyên Quang công suất 4.000TMN có tính đến mở rộng lên 6.000 TMN;
  - + Thời hạn cho vay: 84 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay cụ thể của từng món vay được ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được áp dụng theo lãi suất thả nổi, định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần theo lãi suất quy định hiện hành của Ngân hàng Agribank Tuyên Quang;
  - + Hình thức đảm bảo tiền vay: theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 59901 ngày 13 tháng 8 năm 2012;
  - + Số dư gốc tại thời điểm cuối kỳ là 55.222.640.388 VND, số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 7.888.948.613 VND.
- (10) Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Trà Vinh theo Hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước năm 2001 số 07.HĐTD.2001 - Phụ lục số 01/PLHĐTD.2006 ngày 10/04/2006: Số tiền vay 46.903.199.641 VND; Lãi suất cho vay 5,40%/năm, trả nợ gốc vay 536.000.000 VND/tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

MẪU SỐ B 09-DN/HN

**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Ghi chú (Tiếp theo):

(11) Hợp đồng tín dụng số 27/005/HĐĐT ngày 31/12/2005, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức khoản vay: 37.295.236.000 VND;
- + Mục đích vay: đầu tư dự án Xây dựng Nhà máy đường 1.000TMN Sơn Dương Tuyên Quang
- + Thời hạn cho vay: 14 năm từ ngày 1/1/2004;
- + Lãi suất cho vay: 5,4%/năm;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: thẻ chấp, cầm cố bằng tài sản của bên vay, bão lãnh bằng tài sản của bên thứ ba hoặc tài sản hình thành từ vốn vay hoặc đồng thời các hình thức tùy theo loại hình dự án, chủ đầu tư
- + Số dư gốc tại thời điểm cuối kỳ là 3.500.000.000 VND, số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 1.250.000.000 VND.

(12) Hợp đồng số 04/HTĐT-ĐSD/2016 ngày 01/01/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức: 10.000.000.000 VND
- + Mục đích: phục vụ nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh, thực hiện dự án đầu tư Xây dựng Nhà máy Điện Sinh khối Mía đường Tuyên Quang của Công ty;
- + Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày ký;
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất 7%/năm trong 6 tháng đầu, cứ 6 tháng điều chỉnh 1 lần dựa trên lãi suất cho vay trung hạn của NH NN&PTNT Tuyên Quang cho vay đối với Doanh nghiệp chế biến nông sản;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp;
- + Số dư gốc tại thời điểm cuối kỳ là 10.000.000.000 VND, số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 0 VND.

(13) Hợp đồng tín dụng Phụ lục sửa đổi, bổ sung HĐ vay dài hạn số 88/HĐ/2013 ngày 29/10/2013 và phụ lục số 03 ngày 01 tháng 03 năm 2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức khoản vay: 880.000.000 VND;
- + Mục đích vay: phục vụ nhu cầu vốn chu sản xuất kinh doanh, thực hiện dự án nhà máy đường Tuyên Quang
- + Thời hạn cho vay: đến ngày 01/03/2017;
- + Lãi suất cho vay: 6%/năm;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp;
- + Số dư gốc tại thời điểm cuối kỳ là 880.000.000 VND, số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 0 đồng.

TỔNG CÔNG TY MÍA DƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN  
Số 17 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2015						
Lãi trong năm	430.490.990.000	2.508.917.800	22.505.269.583	730.516.957	144.728.245.059	600.963.939.399
Chí trả cổ tức	-	-	-	-	46.535.748.982	46.535.748.982
Trích lập các quỹ	-	-	1.289.946.914	235.583.428	(30.134.369.296)	(30.134.369.296)
Thưởng Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(2.501.553.842)	(976.023.500)
Giảm khác	-	-	-	-	(392.639.046)	(392.639.046)
Số dư tại ngày 01/01/2016	430.490.990.000	2.508.917.800	23.795.216.497	(755.386.716)	(755.386.716)	(755.386.716)
Giảm do bán khoản đầu tư vào Nông Công	-	(1.375.647.668)	(14.956.192.381)	210.713.669	158.235.431.857	615.241.269.823
Giảm khoản đầu tư vào Sơn Dương theo phương pháp vốn chủ sở hữu	-	-	-	(210.713.669)	(10.064.621.728)	(26.607.175.446)
Giảm thuế TNĐN hoãn lại	-	-	-	-	(54.828.643.285)	(54.828.643.285)
Lãi trong năm	-	-	-	-	128.753.913.454	128.753.913.454
Tăng vốn trong năm	-	(86.533.160)	-	-	-	(86.533.160)
Trích lập các quỹ (i)	-	-	2.639.070.391	-	(6.910.910.293)	(4.271.839.902)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	(43.049.099.000)	(43.049.099.000)
Tăng khác (ii)	-	-	-	29.105.341.850	(30.116.877.426)	(1.011.535.576)
Số dư tại ngày 30/06/2016	430.490.990.000	1.046.736.972	40.583.436.357	-	141.641.999.509	613.763.162.838

Ghi chú:

- (i) Trong kỳ, Tổng Công ty chia cổ tức của năm 2015 Theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 16/05/2016.  
(ii) Trong kỳ, Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương bổ sung lợi nhuận các năm trước vào quỹ đầu tư và phát triển để đầu tư dự án Nhà máy Điện sinh khối Mía đường Tuyên Quang theo nghị quyết của đại hội đồng cổ đông số 111/NQ-DSD-DHDCD ngày 18/05/2016.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	30/06/2016 VND	Tỷ lệ %	01/01/2016 VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH Kim Hà Việt	195.780.950.000	45.48%	195.720.950.000	45.46%
Công ty CP Mía đường Lam Sơn	179.027.050.000	41.59%	162.606.960.000	37.77%
Tổng Công ty Mía đường II	34.250.000.000	7.96%	34.250.000.000	7.96%
Vốn góp của các đối tượng khác	21.432.990.000	4.98%	37.913.080.000	8.81%
<b>Cộng</b>	<b>430.490.990.000</b>	<b>100%</b>	<b>430.490.990.000</b>	<b>100%</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	430.490.990.000	430.490.990.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	430.490.990.000	430.490.990.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	-
- <i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	430.490.990.000	430.490.990.000

d) Tình hình phát hành cổ phiếu của Tổng Công ty	30/06/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	43.049.099	43.049.099
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	43.049.099	43.049.099
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	43.049.099	43.049.099
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.049.099	43.049.099
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	43.049.099	43.049.099
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**23. LỢI ÍCH CỘ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT**

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	938.405.644	958.811.942
Công ty Cổ phần Bia rượu NGK Viger	8.783.538.082	8.515.712.616
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	94.866.542.923	-
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống	-	30.341.221.589
<b>Cộng</b>	<b>104.588.486.649</b>	<b>39.815.746.147</b>

**24. CÁC KHÓA NĂM NGOÀI BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN**

1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ	16.906.900	127.826.900
2. Nợ khó đòi đã xử lý	14.116.925.089	14.116.925.089
3. Ngoại tệ các loại		
USD	100.00	79.93
CNY		894

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B 09-DN**

**25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
a) Doanh thu	<b>1.023.334.493.345</b>	<b>922.697.623.114</b>
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	923.731.796.489	922.641.400.893
Doanh thu cung cấp dịch vụ	94.855.081.364	56.222.221
Doanh thu hoạt động khác	4.747.615.492	-
b) Doanh thu đối với các bên liên quan	<b>32.557.425.203</b>	<b>72.004.615.479</b>
Công ty Cổ phần bánh kẹo Hải Châu	31.787.170.653	69.532.893.170
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam Đài Loan	770.254.550	2.471.722.309
Cộng	<b>1.023.334.493.345</b>	<b>922.697.623.114</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	112.730.855	1.015.383.576
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại	96.542.143	993.545.957
- Hàng bán bị trả lại	16.188.712	21.837.619
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<b>1.023.221.762.490</b>	<b>921.682.239.538</b>

**26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	842.249.264.361	870.029.461.724
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	93.866.944.472	-
Giá vốn hoạt động khác	3.933.662.817	-
Cộng	<b>940.049.871.650</b>	<b>870.029.461.724</b>

**27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.343.997.166	3.398.274.628
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	2.756.511.111	2.433.674.633
Lãi bán các khoản đầu tư	9.440.000.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	6.925.817.361
Cộng	<b>25.540.508.277</b>	<b>12.757.766.622</b>

**28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lãi tiền vay	29.723.604.375	10.187.349.263
Chi phí tài chính khác	-	64.815.000
Cộng	<b>29.723.604.375</b>	<b>10.252.164.263</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**MÃU SỐ B 09-DN**

**29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	VND
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>17.759.868.829</b>		<b>30.709.050.228</b>	
Chi phí nhân viên quản lý	8.050.587.578		12.202.368.726	
Chi phí thù lao hội đồng quản trị	792.058.891		1.088.068.710	
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	176.134.251		1.001.042.771	
Chi phí khấu hao TSCĐ	906.279.985		1.444.578.038	
Thuế, phí và lệ phí	1.047.224.987		1.257.634.856	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.667.861.350		5.219.189.862	
Phân bổ lợi thế thương mại	106.903.700		342.903.700	
Hoàn nhập dự phòng	954.103.455		-	
Chi phí băng tiền khác	4.058.714.632		8.153.263.565	
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>8.524.199.429</b>		<b>11.849.666.060</b>	
Chi phí nhân viên	2.537.783.465		1.957.991.168	
Chi phí dụng cụ đồ dùng	1.181.157.224		515.735.364	
Thuế, phí và lệ phí	17.702.725		292.000	
Chi phí khấu hao TSCĐ	91.293.612		135.602.514	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.035.539.494		5.284.495.055	
Chi phí băng tiền khác	660.722.909		3.955.549.959	

**30. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	VND
<b>Thu nhập khác</b>				
Lãi từ giao dịch giá rẻ (i)	68.791.081.713		-	
Thu nhập khác	3.375.125.391		2.263.821.892	
<b>Cộng</b>	<b>72.166.207.104</b>		<b>2.263.821.892</b>	
<b>Chi phí khác</b>				
Chi phí khác	2.703.320.647		1.006.609.136	
<b>Cộng</b>	<b>2.703.320.647</b>		<b>1.006.609.136</b>	
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>69.462.886.457</b>		<b>1.257.212.756</b>	

Ghi chú:

(i): Lãi từ giao dịch giá rẻ do mua khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương.

**31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	10.541.032.260		4.357.805.447	
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-		-	
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.541.032.260		4.357.805.447	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

**32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	128.753.913.454	11.300.942.858
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi	(3.479.500.880)	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	125.274.412.574	11.300.942.858
Số bình quân giá quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	43.049.099	43.049.099
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.910	263
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ di tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các khoản vay	522.229.790.195	324.560.921.638
Trữ: Tiền và các khoản tương đương tiền	60.474.140.990	447.283.095.342
Nợ thuần	461.755.649.205	-
Vốn chủ sở hữu	718.351.649.487	655.057.015.970
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,64	-

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4).

Tài sản tài chính của Tổng Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính ngắn và dài hạn khác. Công nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

**TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 17 Mạc Thị Brúi, phường Vĩnh Tuy  
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B 09-DN**

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	<b>30/06/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	60.474.140.990	447.283.095.342
Phải thu khách hàng và phải thu khác	263.825.951.883	140.252.589.049
Phải thu về cho vay	-	110.536.360.586
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.924.308.843	164.507.256.767
Đầu tư tài chính dài hạn	35.592.500.000	35.592.500.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>374.816.901.716</b>	<b>898.171.801.744</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	522.229.790.195	324.560.921.638
Phải trả người bán và phải trả khác	199.168.455.145	509.066.398.268
Chi phí phải trả	56.816.307.536	51.618.620.758
<b>Tổng cộng</b>	<b>778.214.552.876</b>	<b>885.245.940.664</b>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6/11/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính (Thông tư 210), vì các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác như cổ phiếu.

**Rủi ro về tỷ giá**

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Tổng Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Tổng Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

**Rủi ro về giá hàng hóa**

Tổng Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Tổng Công ty bị tổn thất về tài chính. Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Tổng Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tổng Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Tổng Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Tổng Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Tổng Công ty.

*Rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết mà Tổng Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Tổng Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

*Rủi ro thanh khoản*

Đây là rủi ro khi Tổng Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản thương đương tiền, các khoản vay và dù vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 30/06/2016</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	60.474.140.990	-	60.474.140.990
Phải thu khách hàng và phải thu khác	261.110.234.523	2.715.717.360	263.825.951.883
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.924.308.843	-	14.924.308.843
Đầu tư tài chính dài hạn	-	35.592.500.000	35.592.500.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>336.508.684.356</b>	<b>38.308.217.360</b>	<b>374.816.901.716</b>
<b>Tại 30/06/2016</b>			
Các khoản vay	358.181.121.564	164.048.668.631	522.229.790.195
Phải trả người bán và phải trả khác	196.698.169.975	2.470.285.170	199.168.455.145
Chi phí phải trả	18.511.551.812	38.304.755.724	56.816.307.536
<b>Tổng cộng</b>	<b>573.390.843.351</b>	<b>204.823.709.525</b>	<b>778.214.552.876</b>
Chênh lệch thanh khoản thuần	(236.882.158.995)	(166.515.492.165)	(403.397.651.160)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 01/01/2016</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	447.283.095.342	-	447.283.095.342
Phải thu khách hàng và phải thu khác	140.243.769.049	8.820.000	140.252.589.049
Phải thu về cho vay	101.232.422.894	9.303.937.692	110.536.360.586
Đầu tư tài chính ngắn hạn	164.507.256.767	-	164.507.256.767
Đầu tư tài chính dài hạn	-	35.592.500.000	35.592.500.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>853.266.544.052</b>	<b>44.905.257.692</b>	<b>898.171.801.744</b>
<b>Tại 01/01/2016</b>			
Các khoản vay	282.928.994.182	41.631.927.456	324.560.921.638
Phải trả người bán và phải trả khác	506.855.755.765	2.210.642.503	509.066.398.268
Chi phí phải trả	13.313.865.034	38.304.755.724	51.618.620.758
<b>Tổng cộng</b>	<b>803.098.614.981</b>	<b>82.147.325.683</b>	<b>885.245.940.664</b>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<b>50.167.929.071</b>	<b>(37.242.067.991)</b>	<b>12.925.861.080</b>

**34. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ ĐƯỚC VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan:*

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn  
 Công ty TNHH Đường mía Việt Nam Đài Loan  
 Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu  
 Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
 Các cổ đông của Tổng Công ty

Mối quan hệ

Cổ đông  
 Công ty liên doanh  
 Công ty liên kết  
 Ảnh hưởng đáng kể  
 Ảnh hưởng đáng kể

*Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:*

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	589.476.645	658.700.318
<b>Cộng</b>	<b>589.476.645</b>	<b>658.700.318</b>

**35. SƠ LIỆU SO SÁNH**

Sơ liệu so sánh đối với bảng cân đối kế toán hợp nhất là bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán. Sơ liệu so sánh đối với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015 đã được soát xét.



Vũ Thị Huyền Đức  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 31 tháng 08 năm 2016

Trần Thị Mùi  
 Kế toán trưởng

Đường Thị Hồng Hải  
 Người lập